

Số: 664/QĐ-ĐHKT-ĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép miễn học, miễn thi các học phần Ngoại ngữ  
đối với sinh viên khoá 25 có Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17 tháng 9 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy định giảng dạy và học ngoại ngữ của các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 24/08/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy định giảng dạy và học Tiếng Anh của các Chương trình đào tạo thuộc Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHKT-VĐTHTQT ngày 05/05/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Khảo thí và ĐBCL và Trưởng phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép miễn học, miễn thi các học phần Ngoại ngữ tăng cường và Ngoại ngữ cơ bản đối với sinh viên khoá 25 đạt chuẩn đầu ra các học phần Ngoại ngữ dựa trên việc quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo quy định (Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐQT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.KTS. Lê Quân



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên                  | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp    | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT |
|-----|-------------------------|------------|---------------------|--------|------------|------------|----------------|----------------|
| 1   | Lương Hữu Tiến          | 2555020090 | 02-01-07            | 25CDP2 |            | 6.0        |                |                |
| 2   | Hoàng Lê Bảo Châu       | 2558040015 | 08-02-07            | 25TT1  |            | 5.5        |                |                |
| 3   | Nguyễn Anh Dũng         | 2556010010 | 16-06-07            | 25ME   |            | 6.0        |                |                |
| 4   | Phan Thị Khánh Vân      | 2558020312 | 22-01-07            | 25NT8  |            | 6.0        |                |                |
| 5   | Trịnh Thu Ngân          | 2556040036 | 23-09-07            | 25UD   |            | 6.5        |                |                |
| 6   | Nguyễn Phúc Minh Nguyệt | 2551020087 | 15-01-07            | 25Q2   |            | 4.5        |                |                |
| 7   | Vũ Đức Anh              | 2551020011 | 26-03-07            | 25Q1   |            | 4.5        |                |                |
| 8   | Đào Thùy Linh           | 2556040025 | 02-10-07            | 25UD   |            | 6.5        |                |                |
| 9   | Trần Thảo Linh          | 2556020144 | 29-12-07            | 25DA4  |            | 4.5        |                |                |
| 10  | Kiều Tú Nhi             | 2556040041 | 24-11-07            | 25UD   |            | 6.0        |                |                |
| 11  | Đào Anh Minh            | 2558020174 | 16-06-07            | 25NT3  |            | 7.0        |                |                |
| 12  | Nguyễn Vũ Hải Phong     | 2551010300 | 14-07-07            | 25K3   |            | 5.5        |                |                |
| 13  | Lý Thị Thủy Nguyên      | 2551010278 | 27-06-07            | 25K5   |            | 5.5        |                |                |
| 14  | Trần Hữu Khuê           | 2551010196 | 28-08-07            | 25K+   |            | 7.5        |                |                |
| 15  | Nguyễn Quang Thụy       | 2551010359 | 30-09-07            | 25K4   |            | 6.0        |                |                |
| 16  | Phạm Văn Tuyển          | 2551020126 | 30-09-07            | 25Q1   |            | 5.5        |                |                |
| 17  | Vũ Phương Linh          | 2558020157 | 09-04-07            | 25NT3  |            | 5.5        |                |                |
| 18  | Vương Thúy Thái Hằng    | 2556040011 | 26-11-07            | 25UD   |            | 7.0        |                |                |
| 19  | Lương Đức Hòa           | 2551070017 | 10-11-07            | 25XN   |            | 6.0        |                |                |
| 20  | Hoàng Mạnh Dũng         | 2554010005 | 29-07-07            | 25GT   |            | 4.5        |                |                |
| 21  | Nguyễn Minh Trang       | 2551050081 | 27-01-07            | 25D1   |            | 5.0        |                |                |
| 22  | Đoàn Gia Minh           | 2551060035 | 28-09-07            | 25M    |            | 6.0        |                |                |
| 23  | Đỗ Hữu Hải Phong        | 2551060022 | 01-10-07            | 25M    |            | 5.5        |                |                |
| 24  | Nghiêm Thị Hoàng Mai    | 2558010092 | 16-01-07            | 25DH4  |            | 7.0        |                |                |
| 25  | Nguyễn Hoài Phương      | 2558010130 | 24-09-07            | 25DH1  |            | 7.0        |                |                |
| 26  | Lê Khánh Duy            | 2553010039 | 29-10-07            | 25KX3  |            | 5.5        |                |                |
| 27  | Lê Khánh Ngân           | 2551020082 | 22-01-07            | 25Q1   |            | 6.0        |                |                |
| 28  | Trần Ánh Dương          | 2553010043 | 12-03-07            | 25KX1  |            | 6.5        |                |                |
| 29  | Bùi Thy Anh             | 2558010005 | 24-08-07            | 25DH2  | 770        |            |                |                |
| 30  | Lê Tạ Phương Anh        | 2552010001 | 16-04-07            | 25KTCQ |            | 6.0        |                |                |
| 31  | Nguyễn Đình Tuấn Minh   | 2551020074 | 11-01-07            | 25Q2   |            | 7.0        |                |                |

*leg*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 664/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên                  | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp   | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT |
|-----|-------------------------|------------|---------------------|-------|------------|------------|----------------|----------------|
| 32  | Dương Quốc Khánh        | 2551020055 | 03-01-07            | 25Q1  |            | 6.5        |                |                |
| 33  | Trịnh Hoàng Nam         | 2551020078 | 22-02-07            | 25Q2  |            | 7.0        |                |                |
| 34  | Nguyễn Mạnh Đức         | 2551030060 | 24-04-07            | 25X+  |            | 6.0        |                |                |
| 35  | Nguyễn Đức Anh          | 2551010019 | 10-05-07            | 25K3  |            | 6.0        |                |                |
| 36  | Nguyễn Ngọc Minh Tuấn   | 2551010395 | 06-10-07            | 25K+  |            | 7.0        |                |                |
| 37  | Lê Tuệ Minh             | 2551010245 | 27-05-07            | 25K6  |            | 7.5        |                |                |
| 38  | Nguyễn Việt Anh         | 2551070004 | 23-08-07            | 25XN  |            | 6.5        |                |                |
| 39  | Trịnh Lê Anh            | 2551020010 | 28-08-07            | 25Q2  |            | 6.5        |                |                |
| 40  | Nguyễn Nam Khánh        | 2556040020 | 10-09-07            | 25UD  |            | 6.0        |                |                |
| 41  | Ngô Tiến Toàn           | 2551010366 | 03-08-07            | 25K1  |            | 6.0        |                |                |
| 42  | Trần Ngọc Khanh         | 2558040033 | 16-12-07            | 25TT1 |            | 7.0        |                |                |
| 43  | Bùi Ngọc Minh           | 2558010098 | 01-05-07            | 25DH2 |            | 7.5        |                |                |
| 44  | Nguyễn Thị Hải Yến      | 2558010176 | 07-10-07            | 25DH2 |            | 5.5        |                |                |
| 45  | Nguyễn Minh Châu        | 2558010027 | 04-11-07            | 25DH4 |            | 6.0        |                |                |
| 46  | Nguyễn Anh Hào          | 2551080048 | 03-05-07            | 25QL3 |            | 4.5        |                |                |
| 47  | Nguyễn Minh Quang       | 2553010125 | 12-03-07            | 25KX2 |            | 5.0        |                |                |
| 48  | Trần Phương Linh        | 2558030027 | 18-01-07            | 25DK  |            | 5.5        |                |                |
| 49  | Tổng Bảo Ngọc           | 2558010118 | 01-12-07            | 25DH4 |            | 7.5        |                |                |
| 50  | Phạm Nguyễn Mai Anh     | 2551010036 | 24-03-07            | 25K6  |            | 5.5        |                |                |
| 51  | Phạm Hương Thảo         | 2551010348 | 19-12-07            | 25K6  |            | 6.0        |                |                |
| 52  | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 2551050051 | 11-01-07            | 25D2  |            | 5.0        |                |                |
| 53  | Phạm Hồng Chi           | 2555030009 | 03-04-07            | 25CNG |            | 8.0        |                |                |
| 54  | Đinh Đăng Khải          | 2551010179 | 27-12-07            | 25K6  |            | 7.0        |                |                |
| 55  | Hà Duy Long             | 2551010221 | 04-12-07            | 25K1  |            | 5.0        |                |                |
| 56  | Trần Mạnh Dũng          | 2556020058 | 22-05-07            | 25DA3 |            | 5.0        |                |                |
| 57  | Tạ Ngọc Huy             | 2551030092 | 19-01-07            | 25X1  |            | 5.0        |                |                |
| 58  | Cao Lâm Huy             | 2551020048 | 13-07-07            | 25Q2  |            | 5.5        |                |                |
| 59  | Lê Vy                   | 2551020132 | 13-02-07            | 25Q1  |            | 7.5        |                |                |
| 60  | Nguyễn Công Hoàng Anh   | 2551010151 | 24-09-07            | 25K2  |            | 7.0        |                |                |
| 61  | Trần Tiến Đạt           | 2551010109 | 03-08-07            | 25K3  |            | 6.5        |                |                |
| 62  | Lê Phan Hiền            | 2551030070 | 09-09-07            | 25X+  |            | 6.5        |                |                |

*Hcm*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 664/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên                | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp   | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|------------|------------|----------------|----------------|
| 63  | Trần Khánh Linh       | 2558020333 | 13-11-07            | 25NT5 |            | 5.5        |                |                |
| 64  | Đàm Thanh Mai         | 2558020165 | 04-08-07            | 25NT5 |            | 5.5        |                |                |
| 65  | Nguyễn Đức Dũng       | 2551050017 | 25-12-07            | 25D1  |            | 5.5        |                |                |
| 66  | Lê Đặng Phương Anh    | 2558040003 | 12-08-07            | 25TT1 |            | 5.5        |                |                |
| 67  | Trần Vũ Tú Uyên       | 2556010054 | 24-05-07            | 25ME  |            | 6.5        |                |                |
| 68  | Đoàn Thục Anh         | 2551010013 | 21-11-07            | 25K5  |            | 5.5        |                |                |
| 69  | Lê Đình Quang         | 2551010312 | 24-01-07            | 25K+  |            | 5.5        |                |                |
| 70  | Phạm Thế Kiệt         | 2554010024 | 11-03-07            | 25GT  |            | 5.5        |                |                |
| 71  | Mai Hồng Nhung        | 2558010124 | 16-06-07            | 25DH1 |            | 7.0        |                |                |
| 72  | Triệu Thụy My         | 2551010253 | 25-02-07            | 25K5  |            | 7.5        |                |                |
| 73  | Chu Thành Đạt         | 2551080032 | 04-03-07            | 25QL2 |            | 4.5        |                |                |
| 74  | Ngô Thanh Bình        | 2551010060 | 04-03-07            | 25K+  |            | 6.0        |                |                |
| 75  | Đinh Thị Bích Ngọc    | 2556020178 | 11-04-07            | 25DA3 |            | 5.0        |                |                |
| 76  | Vũ Đức Anh            | 2551010041 | 08-06-07            | 25K3  |            | 6.5        |                |                |
| 77  | Lê Minh Ngọc          | 2551060021 | 29-07-07            | 25M   |            | 4.5        |                |                |
| 78  | Phạm Minh Phương      | 2553030048 | 29-09-07            | 25TL  |            | 5.0        |                |                |
| 79  | Lê Thị Thảo Hương     | 2551010176 | 26-10-07            | 25K1  |            | 6.5        |                |                |
| 80  | Đỗ Tiến Đạt           | 2551040011 | 22-11-07            | 25N   |            | 7.5        |                |                |
| 81  | Nguyễn Tuấn Anh       | 2555010015 | 03-02-07            | 25CN3 |            | 4.5        |                |                |
| 82  | Bùi Minh Thư          | 2551010360 | 27-02-07            | 25K4  |            | 7.5        |                |                |
| 83  | Hoàng Diệu Linh       | 2558040041 | 01-07-07            | 25TT1 |            | 5.0        |                |                |
| 84  | Vũ Như Ngọc           | 2551010275 | 01-04-07            | 25K6  |            | 6.0        |                |                |
| 85  | Trần Thị Thục Linh    | 2558020155 | 21-07-07            | 25NT4 |            | 6.5        |                |                |
| 86  | Trần Hoàng Thanh      | 2556020212 | 27-03-07            | 25DA2 |            | 5.0        |                |                |
| 87  | Phạm Lê Tuấn          | 2556020243 | 07-01-07            | 25DA3 |            | 6.0        |                |                |
| 88  | Nguyễn Thùy Linh      | 2558020152 | 08-07-07            | 25NT7 |            | 6.0        |                |                |
| 89  | Phạm Đức Nam          | 2551010259 | 15-05-07            | 25K+  |            | 6.5        |                |                |
| 90  | Cần Thị Hải Yến       | 2558010173 | 17-07-07            | 25DH4 |            | 6.0        |                |                |
| 91  | Nguyễn Khánh Linh     | 2558020145 | 07-01-07            | 25NT1 |            | 5.5        |                |                |
| 92  | Bùi Lương Huyền Trang | 2558020278 | 26-12-07            | 25NT4 |            | 6.0        |                |                |
| 93  | Lê Phương Anh         | 2556020014 | 22-02-07            | 25DA4 |            | 6.0        |                |                |

tem



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 664 QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên                | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp   | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|-------|------------|------------|----------------|----------------|
| 94  | Nông Thị Hương Thảo   | 2551010347 | 31-08-07            | 25K6  |            | 6.0        |                |                |
| 95  | Phạm Tiến Dũng        | 2553010037 | 01-12-07            | 25KX1 |            | 5.0        |                |                |
| 96  | Trần Thiện Hiếu       | 2551010142 | 05-04-07            | 25K+  |            | 6.5        |                |                |
| 97  | Hoàng Trí Bách        | 2551010049 | 02-07-07            | 25K2  |            | 5.5        |                |                |
| 98  | Trần Ngân Hạ          | 2551010122 | 13-07-07            | 25K+  |            | 6.5        |                |                |
| 99  | Phạm Gia khánh Vi     | 2551010408 | 18-12-07            | 25K+  |            | 7.0        |                |                |
| 100 | Tổng Hoàng Ngọc Khánh | 2551010186 | 14-08-07            | 25K2  |            | 7.0        |                |                |
| 101 | Phạm Ngọc Bảo Châu    | 2551010062 | 28-10-07            | 25K+  |            | 6.5        |                |                |
| 102 | Đỗ Đức Nguyên         | 2551010276 | 21-01-07            | 25K5  |            | 5.0        |                |                |
| 103 | Trần Thanh Mai        | 2558010096 | 19-02-07            | 25DH3 |            | 5.5        |                |                |
| 104 | Nguyễn Viết Gia Hưng  | 2551010174 | 13-11-07            | 25K2  |            | 6.5        |                |                |
| 105 | Phạm Ái Linh          | 2551090020 | 01-10-07            | 25VL  |            | 4.5        |                |                |
| 106 | Đào Minh Chính        | 2551010063 | 25-01-07            | 25K5  |            | 6.5        |                |                |
| 107 | Nguyễn Hải Anh        | 2551010020 | 18-12-07            | 25K6  |            | 6.5        |                |                |
| 108 | Bùi Hà Linh           | 2558020134 | 07-06-07            | 25NT4 |            | 6.0        |                |                |
| 109 | Nguyễn Bá Bảo Lâm     | 2551010205 | 17-03-07            | 25K1  |            | 6.0        |                |                |
| 110 | Nguyễn Minh Thu       | 2551010357 | 17-09-07            | 25K4  |            | 6.5        |                |                |
| 111 | Nguyễn Ngọc Phúc      | 2551010303 | 08-11-07            | 25K2  |            | 6.5        |                |                |
| 112 | Nguyễn Khánh Ly       | 2558050028 | 30-10-07            | 25NT5 |            | 7.0        |                |                |
| 113 | Trần Minh Sơn         | 2551010332 | 26-09-07            | 25K6  |            | 4.5        |                |                |
| 114 | Hà Lê Khánh Vân       | 2551010405 | 13-01-07            | 25K2  |            | 6.5        |                |                |
| 115 | Đinh Bảo Anh          | 2551010012 | 29-07-07            | 25K4  |            | 6.5        |                |                |
| 116 | Nguyễn Minh Hải       | 2551010126 | 30-08-07            | 25K2  |            | 6.0        |                |                |
| 117 | Bùi Vũ Đức Anh        | 2551010010 | 07-10-07            | 25K4  |            | 6.0        |                |                |
| 118 | Lê Văn Phú            | 2551010301 | 25-03-07            | 25K3  |            | 7.0        |                |                |
| 119 | Hoàng Anh             | 2556020010 | 28-01-07            | 25DA5 |            | 5.5        |                |                |
| 120 | Đặng Hoàng Nam        | 2551090026 | 07-05-07            | 25VL  |            | 6.0        |                |                |
| 121 | Bùi Lê Tường Anh      | 2553020001 | 13-11-07            | 25IE  | 640        |            |                |                |
| 122 | Nguyễn Như Hải Yến    | 2558010175 | 12-09-07            | 25DH1 |            | 6.5        |                |                |
| 123 | Nguyễn Thanh Thu      | 2558020269 | 10-02-07            | 25NT4 |            | 6.5        |                |                |
| 124 | Bùi Huy Khôi          | 2551010194 | 11-07-07            | 25K+  |            | 7.5        |                |                |

*Temp*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

Kèm theo Quyết định số: 664 QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên               | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp    | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT |
|-----|----------------------|------------|---------------------|--------|------------|------------|----------------|----------------|
| 125 | Trần Thị Minh Hà     | 2558050013 | 28-03-07            | 25NT5  |            | 5.5        |                |                |
| 126 | Nguyễn Phùng Duy Anh | 2558050002 | 12-05-07            | 25NTS  |            | 6.5        |                |                |
| 127 | Nguyễn Thu Thủy      | 2558020261 | 09-05-07            | 25NT4  |            | 6.0        |                |                |
| 128 | Nguyễn Phương Thảo   | 2558020249 | 15-01-07            | 25NT2  |            | 6.0        |                |                |
| 129 | Hoàng Phương Duy     | 2551010084 | 04-10-07            | 25K+   |            | 6.5        |                |                |
| 130 | Mai Thanh Huyền      | 2551010168 | 30-11-07            | 25K5   |            | 6.0        |                |                |
| 131 | Nguyễn Tuấn Minh     | 2551010250 | 11-03-07            | 25K+   |            | 6.5        |                |                |
| 132 | Đỗ Thị Ngọc Khánh    | 2558020121 | 09-02-07            | 25NT5  |            | 6.0        |                |                |
| 133 | Tăng Ngọc Khánh Linh | 2558010082 | 03-02-07            | 25DH4  |            | 6.5        |                |                |
| 134 | Nguyễn Xuân Hà Anh   | 2558020029 | 18-06-07            | 25NT1  |            | 7.0        |                |                |
| 135 | Phan Tiến Minh       | 2551030150 | 18-01-07            | 25X+   |            | 6.0        |                |                |
| 136 | Nguyễn Ngọc Anh      | 2556020022 | 28-02-06            | 25DA2  |            | 5.0        |                |                |
| 137 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | 2558050033 | 11-03-07            | 25NT5  |            | 6.0        |                |                |
| 138 | Hoàng Hằng Nga       | 2551010263 | 23-09-07            | 25K+   |            | 5.5        |                |                |
| 139 | Trần Ngọc Mai        | 2558020170 | 18-04-07            | 25NT2  | 660        |            |                |                |
| 140 | Nguyễn Gia Hân       | 2558020090 | 22-04-07            | 25NT6  |            | 6.5        |                |                |
| 141 | Phạm Thu An          | 2551010005 | 02-12-07            | 25K3   |            | 6.5        |                |                |
| 142 | Trần Lê Hà My        | 2558010103 | 03-06-07            | 25DH1  |            | 5.5        |                |                |
| 143 | Nguyễn Thanh Nghĩa   | 2558020193 | 15-08-07            | 25NT3  |            | 7.0        |                |                |
| 144 | Phạm Quỳnh Anh       | 2558020034 | 26-01-07            | 25NT6  |            | 5.5        |                |                |
| 145 | Trần Đức Nam         | 2558020188 | 20-06-07            | 25NT5  |            | 6.5        |                |                |
| 146 | Trần Vũ Duy Anh      | 2558020040 | 29-12-06            | 25NT7  |            | 6.0        |                |                |
| 147 | Hoàng Minh Dương     | 2555020020 | 18-03-07            | 25CDP2 |            | 5.5        |                |                |
| 148 | Nguyễn Đăng Hiếu     | 2558020096 | 19-11-07            | 25NT3  |            | 7.0        |                |                |
| 149 | Nguyễn Phương Uyên   | 2551010404 | 23-10-07            | 25K6   |            | 6.5        |                |                |
| 150 | Nguyễn Đức Quang     | 2551010313 | 10-02-07            | 25K+   |            | 6.5        |                |                |
| 151 | Nguyễn Thị Mai Anh   | 2558010013 | 29-12-07            | 25DH1  |            | 7.0        |                |                |
| 152 | Phạm Lê Hiếu Kiên    | 2553010081 | 09-05-07            | 25KX3  |            | 6.5        |                |                |
| 153 | Dương Anh Thư        | 2558020263 | 08-02-07            | 25NT8  |            | 7.0        |                |                |
| 154 | Nguyễn Phương Anh    | 2558010010 | 14-10-07            | 25DH1  |            | 6.5        |                |                |
| 155 | Nguyễn Thu Trang     | 2558010152 | 15-12-07            | 25DH2  |            | 7.5        |                |                |

*Handwritten signature*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 664/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên               | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp   | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT |
|-----|----------------------|------------|---------------------|-------|------------|------------|----------------|----------------|
| 156 | Hoàng Hà Vân         | 2558010164 | 21-09-07            | 25DH2 |            | 6.5        |                |                |
| 157 | Lê Hoàng Long        | 2553010093 | 23-08-07            | 25KX3 |            | 6.0        |                |                |
| 158 | Trần Ngọc Anh        | 2558010018 | 08-06-07            | 25DH3 |            | 6.5        |                |                |
| 159 | Lê Khánh Linh        | 2558010078 | 10-12-07            | 25DH3 |            | 7.5        |                |                |
| 160 | Nguyễn Phương Anh    | 2558020023 | 14-09-07            | 25NT8 |            | 8.0        |                |                |
| 161 | Thao Quỳnh Chi       | 2558010032 | 06-10-07            | 25DH2 |            | 7.5        |                |                |
| 162 | Lê Khánh Nhi         | 2558020207 | 06-12-07            | 25NT3 |            | 5.5        |                |                |
| 163 | Nguyễn Diệu Linh     | 2558050024 | 17-04-07            | 25NT5 |            | 7.0        |                |                |
| 164 | Nguyễn Thị Thu Trang | 2556020231 | 24-07-07            | 25DA1 |            | 4.5        |                |                |
| 165 | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm | 2551010378 | 04-08-07            | 25K2  |            | 5.5        |                |                |
| 166 | Nguyễn Duy Thành     | 2551020106 | 21-06-07            | 25Q1  |            | 4.5        |                |                |
| 167 | Đặng Thái Uyên       | 2558010159 | 25-04-07            | 25DH3 |            | 7.0        |                |                |
| 168 | Trần Vũ Trà My       | 2551010254 | 10-08-07            | 25K1  |            | 5.5        |                |                |
| 169 | Trần Lực             | 2555010110 | 18-07-07            | 25CN2 |            | 6.0        |                |                |
| 170 | Nguyễn Ngọc Hà Thu   | 2556020221 | 09-06-07            | 25DA1 |            | 5.5        |                |                |
| 171 | Vũ Minh Châu         | 2555030007 | 19-07-07            | 25CNG |            | 8.0        |                |                |

(Danh sách gồm 171 sinh viên)

*sem*

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 664/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên              | MSV        | Ngày tháng<br>năm sinh | Lớp   | Điểm<br>TOIEC | Điểm<br>IELS | Điểm<br>TOEFL<br>ITP | Điểm<br>TOEFL<br>iBT |
|-----|---------------------|------------|------------------------|-------|---------------|--------------|----------------------|----------------------|
| 1   | Hà Huy Vinh         | 2551090046 | 26-07-07               | 25VL  |               | 4.0          |                      |                      |
| 2   | Nguyễn Ngọc Khánh   | 2556030032 | 30-07-07               | 25RM  |               | 4.0          |                      |                      |
| 3   | Đào Nguyễn Diệu Hoa | 2556020093 | 11-01-07               | 25DA3 |               | 4.0          |                      |                      |

(Danh sách gồm 03 sinh viên) *Yun*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN NGÀNH KIẾN TRÚC  
CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ NÂNG CAO**

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên                | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp    | Điểm TOIEC | Điểm IELTS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT | Học phần TA được miễn |
|-----|-----------------------|------------|---------------------|--------|------------|------------|----------------|----------------|-----------------------|
| 1   | Trần Vũ Mai Anh       | 2551015013 | 10-10-07            | 25KTT1 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 2   | Nguyễn Việt Anh       | 2551015012 | 11-04-07            | 25KTT2 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 3   | Phạm Tuấn Kiệt        | 2551015056 | 10-09-07            | 25KTT2 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 4   | Nguyễn Vũ Nam Phong   | 2551015077 | 20-05-07            | 25KTT1 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 5   | Bùi Tuấn Phong        | 2551015075 | 27-03-07            | 25KTT1 | 850        |            |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 6   | Đào Văn Anh           | 2551015004 | 19-07-07            | 25KTT2 |            | 7.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 7   | Bùi Minh Dũng         | 2551015026 | 17-08-07            | 25KTT2 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 8   | Nguyễn Hoàng Dương    | 2551015032 | 26-10-07            | 25KTT2 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 9   | Nguyễn Gia Phong      | 2551015076 | 25-09-07            | 25KTT2 |            | 5.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 10  | Đinh Quỳnh Trâm       | 2551015103 | 30-09-07            | 25KTT1 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 11  | Nguyễn Thị Hà Linh    | 2551015059 | 07-07-07            | 25KTT1 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 12  | Trần Trang Nhung      | 2551015073 | 12-10-07            | 25KTT1 |            | 6.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 13  | Lê Thu Trang          | 2551015102 | 30-07-07            | 25KTT2 |            | 6.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 14  | Đỗ Thành Hưng         | 2551015046 | 10-06-07            | 25KTT2 |            | 8.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 15  | Nguyễn Lâm Huy        | 2551015041 | 17-11-07            | 25KTT2 |            | 6.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 16  | Phạm Phi Phong        | 2551015078 | 03-11-07            | 25KTT2 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 17  | Nguyễn Kim Anh        | 2551015008 | 23-05-07            | 25KTT2 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 18  | Nguyễn Đức Minh       | 2551015064 | 24-05-07            | 25KTT2 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 19  | Nguyễn Đào Trung Anh  | 2551015007 | 28-04-07            | 25KTT1 |            | 6.5        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 20  | Phạm Minh Châu        | 2551015020 | 24-09-07            | 25KTT2 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 21  | Hoàng Minh Quang      | 2551015082 | 21-02-07            | 25KTT2 |            | 6.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 22  | Nguyễn Quang Tuấn Anh | 2551015010 | 01-02-07            | 25KTT2 |            | 7.0        |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |

*lcm*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN NGÀNH KIẾN TRÚC  
CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ NÂNG CAO**

(Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên             | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp    | Điểm TOIEC | Điểm IELS | Điểm TOEFL ITP | Điểm TOEFL iBT | Học phần TA được miễn |
|-----|--------------------|------------|---------------------|--------|------------|-----------|----------------|----------------|-----------------------|
| 23  | Phạm Quang Trung   | 2551015104 | 22-11-07            | 25KTT2 |            | 6.5       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 24  | Nguyễn Tuấn Minh   | 2551015065 | 17-07-07            | 25KTT1 |            | 7.0       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 25  | Trần Phúc Thanh    | 2551015093 | 29-04-07            | 25KTT1 |            | 7.0       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 26  | Lưu Hoàng Sang     | 2551015085 | 12-10-07            | 25KTT1 |            | 6.0       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 27  | Đặng Vũ Minh       | 2551015063 | 15-10-07            | 25KTT1 |            | 5.5       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 28  | Phạm Gia Huy       | 2551015045 | 31-08-07            | 25KTT1 |            | 6.5       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 29  | Trần Tuệ Minh      | 2551015066 | 08-12-07            | 25KTT2 |            | 6.5       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 30  | Trịnh Thị Minh Tâm | 2551015090 | 03-01-07            | 25KTT2 |            | 7.0       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |
| 31  | Nguyễn Hoàng Đức   | 2551015038 | 17-11-07            | 25KTT2 |            | 6.0       |                |                | NNNC 01,<br>NNNC 02   |

(Danh sách gồm 31 sinh viên)

*sem*



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 25 CÓ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG PHÁP TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG PHÁP PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 664/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

| STT | Họ tên            | MSV        | Ngày tháng năm sinh | Lớp | Điểm DELF | Điểm TCF |
|-----|-------------------|------------|---------------------|-----|-----------|----------|
| 1   | Lê Diễm Diệu Thảo | 2551060026 | 11-11-07            | 25M |           | 203      |

(Danh sách gồm 01 sinh viên) *tem*